BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 2 tháng 07 năm 2022

BẢN TIN ĐỘT XUẤT
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA HUỔI PHẠ - TỈNH ĐIỆN BIÊN
Nhiệm vụ: Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp trên các lưu vực sông khu vực Miền núi phía Bắc - Phục vụ đảm bảo an toàn công trình năm 2022

(Từ ngày 7h00' ngày 2/7 đến 7h00' ngày 3/07/2022)

1. Tình hình nguồn nước hồ: (lúc 7 giờ 00' ngày 2/07/2022)

- Tổng lượng mưa thực đo từ ngày 01/1 đến hiện tại: 834 - 1345 mm;
- Tổng lượng mưa trong 24 giờ qua: 7,9 - 21,8 mm;
- Mực nước hồ 484,40 m; Dung tích hồ: 1,06 triệu m^3 (tương đương 73,84% Wtb)

2. Dự báo mưa và vận hành hồ

- *Dự báo khả năng mưa và dòng chảy lũ:*

+ Trong 24 giờ tới: lượng mưa từ 3-7 mm; Qtb 0,1 m^3/s; Qmax 0,1 m^3/s.

+ Trong 03 ngày tới: lượng mưa từ 21,3 - 24,1 mm; Qtb 0,1 m^3/s; Qmax 0,1 m^3/s.

+ Trong 05 ngày tới: lượng mưa từ 21,3 - 24,1 mm; Qtb 0,1 m^3/s; Qmax 0,1 m^3/s.

- *Dự báo vận hành hồ:* dự báo mực nước sẽ tiếp tục tăng và khả năng vượt mực nước thiết kế cần xả kịp thời, kiến nghị đơn vị quản lý theo dõi thường xuyên tình hình mưa lũ để vận hành điều tiết hồ kịp thời đảm bảo an toàn hồ chứa.

- *Khả năng ngập hạ du:* Chưa có khả năng xảy ra ngập lụt

Bản tin tiếp theo sẽ được phát hành lúc 7 giờ 00 ngày 03/07/2022.

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

Phụ lục. Tính toán điều tiết hồ Huổi Phạ

1. Tính toán vận hành hồ theo dự báo nguồn nước đến

Ngày	Giờ	$Q_{đến}$ (m^3/s)	$Z_{hồ}$ (m)	$Z_{hồ}$ - $Z_{hồ}$max (+/-)	$W_{hồ}$ ($10^6 m^3$)	Tỉ lệ W (%)	$Q_{xả\ max}$ (m^3/s)	Vận hành
2-7	7	2,91	484,40	-1,35	1,47	79,58	0,0	An toàn
	8	2,81	484,76	-0,99	1,55	84,15	0,0	An toàn
	9	2,71	484,80	-0,95	1,56	84,66	0,0	An toàn
	10	2,60	484,84	-0,91	1,57	85,16	0,0	An toàn
	11	2,48	484,88	-0,87	1,58	85,67	0,0	An toàn
	12	2,36	484,92	-0,83	1,59	86,18	0,0	An toàn
	13	2,25	484,96	-0,79	1,60	86,69	0,0	An toàn
	14	2,13	484,99	-0,76	1,60	87,07	0,0	An toàn
	15	2,02	485,02	-0,73	1,61	87,54	0,0	An toàn
	16	1,91	485,04	-0,71	1,62	87,88	0,0	An toàn
	17	1,80	485,07	-0,68	1,63	88,39	0,0	An toàn
	18	1,70	485,09	-0,66	1,64	88,73	0,0	An toàn
	19	1,60	485,11	-0,64	1,64	89,07	0,0	An toàn
	20	1,51	485,13	-0,62	1,65	89,41	0,0	An toàn
	21	1,43	485,14	-0,61	1,65	89,59	0,0	An toàn
	22	1,35	485,16	-0,59	1,66	89,93	0,0	An toàn
	23	1,27	485,18	-0,57	1,66	90,27	0,0	An toàn
3-7	0:00	1,20	485,19	-0,56	1,67	90,44	0,0	An toàn
	1	1,13	485,21	-0,54	1,67	90,78	0,0	An toàn
	2	1,07	485,22	-0,53	1,68	90,95	0,0	An toàn
	3	1,01	485,23	-0,52	1,68	91,12	0,0	An toàn
	4	0,96	485,24	-0,51	1,68	91,29	0,0	An toàn
	5	0,91	485,25	-0,5	1,69	91,46	0,0	An toàn
	6	0,86	485,26	-0,49	1,69	91,63	0,0	An toàn
	7	0,82	485,27	-0,48	1,69	91,80	0,0	An toàn
	8	0,78	485,28	-0,47	1,70	91,98	0,0	An toàn
	9	0,74	485,29	-0,46	1,70	92,15	0,0	An toàn
	10	0,71	485,30	-0,45	1,70	92,32	0,0	An toàn
	11	0,68	485,31	-0,44	1,70	92,49	0,0	An toàn
	12	0,65	485,32	-0,43	1,71	92,66	0,0	An toàn
	13	0,62	485,33	-0,42	1,71	92,83	0,0	An toàn
	14	0,60	485,33	-0,42	1,71	92,83	0,0	An toàn
	15	0,58	485,34	-0,41	1,71	93,00	0,0	An toàn
	16	0,55	485,35	-0,4	1,72	93,17	0,0	An toàn
	17	0,54	485,35	-0,4	1,72	93,17	0,0	An toàn
	18	0,52	485,36	-0,39	1,72	93,34	0,0	An toàn
	19	0,50	485,36	-0,39	1,72	93,34	0,0	An toàn
	20	0,49	485,37	-0,38	1,72	93,51	0,0	An toàn
	21	0,47	485,38	-0,37	1,73	93,68	0,0	An toàn
	22	0,46	485,38	-0,37	1,73	93,68	0,0	An toàn
	23	0,45	485,39	-0,36	1,73	93,85	0,0	An toàn
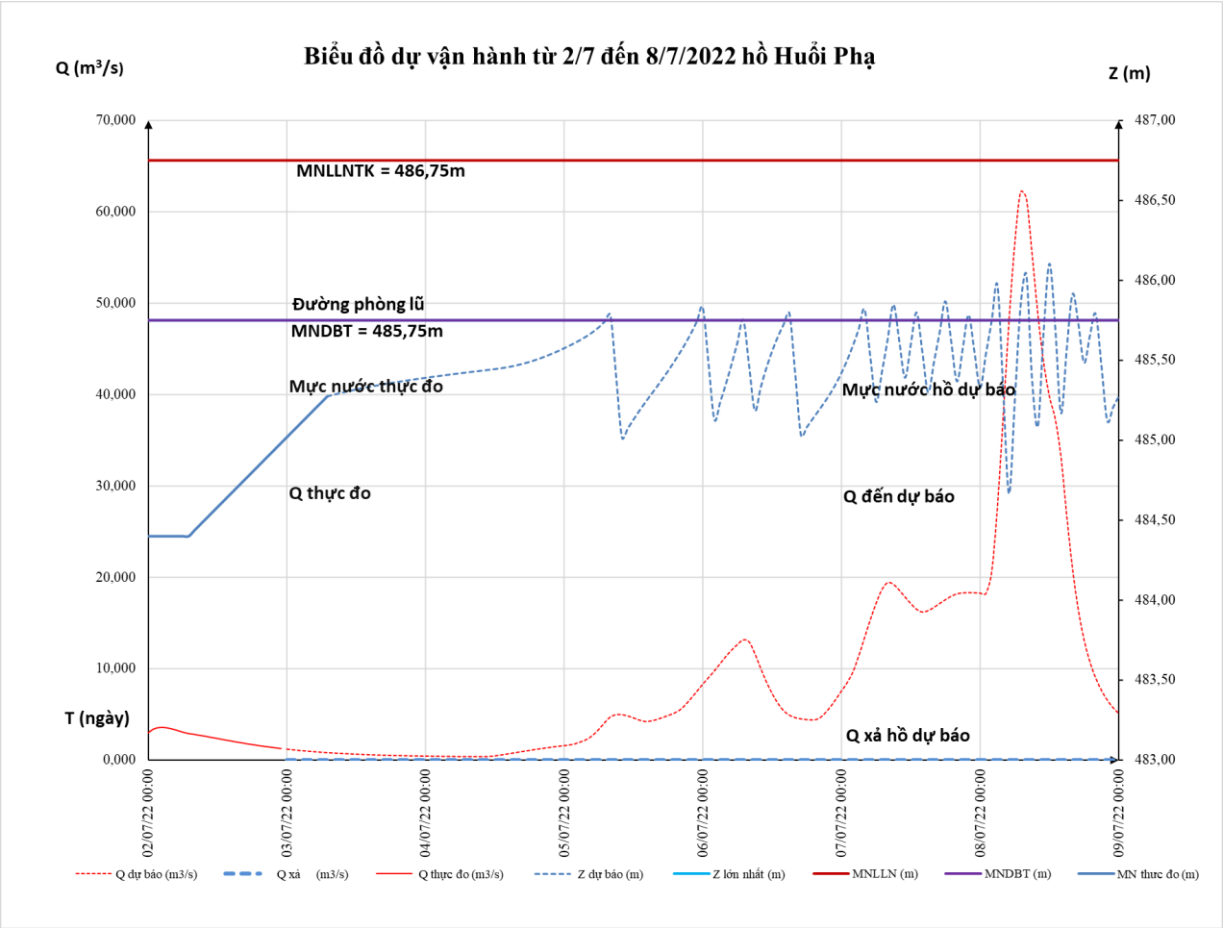
2. Biểu đồ vận hành tích, xả nước hồ dự báo